

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:111/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Kha Văn X, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: Bà và ông Kha Văn X quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2005. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng

đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con. Từ đó, không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Kha Văn X.

Về con chung: Bà và ông X có 03 con chung tên Kha Thu N (nữ) sinh ngày 16/02/1999, Kha Thu V (nữ) sinh ngày 18/01/2004 và Kha Thu V1 (nữ) sinh ngày 07/02/2012. Hiện 02 con chung tên Kha Thu N và Kha Thu V đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng con chung tên Kha Thu V1 hiện đang sống chung với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông Kha Văn X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Kha Văn X dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông X đối với vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Kha Văn X; Về con chung: Giao 01 con chung tên Kha Thu V1 (nữ) sinh ngày 07/02/2012 cho bà Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Kha Văn X không ai được quyền cản trở. Riêng 02 con chung tên Kha Thu N (nữ) sinh ngày 16/02/1999, Kha Thu V (nữ) sinh ngày 18/01/2004 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thanh T và ông Kha Văn X sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 05/12/2005. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kha Văn X và yêu cầu giải quyết con chung; Ông Kha Văn X có địa chỉ cư trú tại ấp 4B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bà T là có căn cứ. Bị đơn ông Kha Văn X dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt ông X là có căn cứ.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Kha Văn X được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 05/12/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà T và ông X phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình, trong công việc và giáo dục con chung, bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông X dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi

kiện với ông X, cho thấy hôn nhân của bà T và ông X đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông X.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thanh T và ông Kha Văn X có 03 con chung tên Kha Thu N (nữ) sinh ngày 16/02/1999, Kha Thu V (nữ) sinh ngày 18/01/2004 và Kha Thu V1 (nữ) sinh ngày 07/02/2012. Hiện 02 con chung tên Kha Thu N và Kha Thu V đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/7/2023, cháu Kha Thu V1 trình bày ý chí nguyện vọng của mình là sau khi cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu, giao cháu Kha Thu V1 cho bà Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T chưa yêu cầu ông Kha Văn X cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Kha Văn X không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung : Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Kha Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Kha Thu V1 (nữ) sinh ngày 07 tháng 02 năm 2012 cho bà Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng 02 con chung tên Kha Thu N (nữ) sinh ngày 16 tháng 02 năm 1999, Kha Thu V (nữ) sinh ngày 18 tháng 01 năm 2004 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà Nguyễn Thanh T không yêu cầu ông Kha Văn X cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Kha Văn X không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết .

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thanh T đã nộp theo biên lai số 0002184 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua